

## **PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024 TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

- **Tên trường:** Trường Đại học Đà Lạt

**Mã tuyển sinh:** TDL;

- **Sứ mệnh:** Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao về khoa học, công nghệ, kinh tế và xã hội - nhân văn cho khu vực Tây Nguyên và cả nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học - chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trường đang được Đảng và Nhà nước đầu tư xây dựng để trở thành trường đại học hàng đầu khu vực.

- **Trường Đại học Đà Lạt** là trường đại học đầu tiên trong cả nước đào tạo theo hệ thống tín chỉ với thời gian đào tạo linh hoạt; tùy theo điều kiện của cá nhân, sinh viên có thể chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của mình. Tất cả các chương trình đào tạo đã được xây dựng và triển khai thực hiện theo chuẩn đầu ra quốc tế CDIO, chú trọng đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ.

- **Trường Đại học Đà Lạt** đã được chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2.0 theo quyết định số 34/QĐ-TTKĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học Quốc gia Tp.HCM. Trường đã có 10 chương trình đào tạo trình độ đại học đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp chương trình, trong đó có 05 chương trình đạt kiểm định theo bộ tiêu chuẩn của Tổ chức đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN-QA).

- **Địa chỉ:** Số 01 Phù Đổng Thiên Vương - Phường 8 - Tp. Đà Lạt;

- **Trang thông tin điện tử của trường:** [www.dlu.edu.vn](http://www.dlu.edu.vn);

- **Trang thông tin tuyển sinh:** <http://tuyensinh.dlu.edu.vn>;

- **Fanpage thông tin, tư vấn tuyển sinh:** <https://www.facebook.com/DalatUni>

- **Tư vấn tuyển sinh:** 02633 825091 Email: [tuyensinhdlu@dlu.edu.vn](mailto:tuyensinhdlu@dlu.edu.vn);

- **Phạm vi tuyển sinh:** tuyển sinh trên toàn quốc;

- **Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến):** 2850;

- **Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy:** 6.500.000đ/1 học kỳ.



## 2. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Xét tuyển kết hợp 4 phương thức:

- Xét tuyển thẳng các trường hợp theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Xét tuyển thẳng các trường hợp thí sinh tốt nghiệp THPT có 3 năm liên tục đạt học sinh giỏi hoặc đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên vào các ngành phù hợp với môn chuyên hoặc môn đạt giải;
- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2024;
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc điểm trung bình kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 của năm học lớp 12 (tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn ĐKXT);
- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của các Đại học Quốc gia và Đại học vùng.

## 3. NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO

### a) Các ngành đào tạo giáo viên:

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT: ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT: Học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 điểm trở lên;
- Trường hợp xét tuyển thẳng đối tượng học sinh giỏi 3 năm liên tục: Môn chính đăng ký vào ngành tương ứng phải có điểm trung bình năm lớp 12 từ 8.0 trở lên mới đủ điều kiện đăng ký xét tuyển. Trường sẽ ưu tiên xét tuyển theo kết quả điểm trung bình môn chính. Môn chính xét tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên được quy định như sau:

STT	Tên môn chính	Tên ngành sư phạm được xét tuyển thẳng	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học	7140209
		Sư phạm Tin học	7140210
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí	7140211
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học	7140212
		Sư phạm Sinh học	7140213
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học	7140213
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	7140217
		Sư phạm Lịch sử	7140218

6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	7140218
7	Tin học	Sư phạm Tin học	7140210
8	Tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh	7140231

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Đạt từ 800 điểm trở lên theo thang điểm 1200, hoặc đạt từ 20 điểm trở lên quy đổi theo thang điểm 30.

**b) Các ngành còn lại:**

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT: Trường Đại học Đà Lạt sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (mức điểm nhận hồ sơ ĐKXT) sau khi có kết quả thi THPT năm 2024;

- Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp THPT (kết quả học tập lớp 12 hoặc trung bình kết quả học tập lớp 11 cộng với học kỳ 1 của lớp 12): Tổng điểm 3 môn trong tổ hợp môn ĐKXT đạt từ 18 điểm trở lên (không có môn nào trong tổ hợp môn ĐKXT có điểm trung bình dưới 5.0);

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Đạt từ 600 điểm trở lên theo thang điểm 1200, quy đổi theo thang điểm 30 đạt từ 15 điểm trở lên.

**c) Lưu ý:** Đối với phương thức sử dụng kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng (nếu có): Được quy đổi thành thang điểm 30, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào không thấp hơn quy định dành cho Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ở tất cả các ngành.

**4. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH**

- Chính sách ưu tiên về khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

**5. NGÀNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN (CHỈ TIÊU DỰ KIẾN)**

TT	Tên ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu Dành cho phương thức thi THPT	Chỉ tiêu Dành cho các phương thức còn lại
01	Sư phạm Toán học	7140209	A00, A01, D07, D90	18	10	8
02	Sư phạm Vật lý	7140211	A00, A01, A12, D90	24	14	10

03	Sư phạm Hóa học	7140212	A00, B00, D07, D90	24	14	10
04	Sư phạm Sinh học	7140213	A00, B00, B08, D90	24	14	10
05	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, C20, D14, D15	18	10	8
06	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00, C19, C20, D14	24	14	10
07	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01, D72, D96	40	25	15
08	Sư phạm Tin học	7140210	A00, A01, D07, D90	28	16	12
09	Giáo dục tiểu học	7140202	A16, C14, C15, D01	150	90	60
10	Toán học (Toán – Tin học)	7460101	A00, A01, D07, D90	30	18	12
11	Khoa học dữ liệu	7460108	A00, A01, D07, D90	50	30	20
12	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, D07, D90	150	90	60
13	Vật lý học	7440102	A00, A01, A12, D90	30	18	12
14	Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	7510302	A00, A01, A12, D90	40	25	15
15	Kỹ thuật hạt nhân	7520402	A00, A01, D01, D90	30	20	10
16	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	A00, A01, A12, D90	40	25	15
17	Hóa học	7440112	A00, B00, D07, D90	30	20	10
18	Hóa dược	7720203	A00, B00, D07, D90	40	25	15
19	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	A00, B00, D07, D90	50	30	20
20	Sinh học	7420101	A00, B00, B08, D90	50	30	20
21	Công nghệ Sinh học	7420201	A00, B00, B08, D90	200	120	80
22	Quản trị Kinh doanh	7340101	A00, A01, D01, D96	200	120	80
23	Kế toán	7340301	A00, A01, D01, D96	100	60	40
24	Tài chính – Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D96	80	50	30
25	Công nghệ thực phẩm	7540101	A00, A02, B00, D07	50	30	20
26	Nông học	7620109	B00, B08, D07, D90	50	30	20
27	Công nghệ Sau thu hoạch	7540104	A00, B00, B08, D90	20	10	10
28	Luật	7380101	A00, C00, C20, D01	200	120	80
29	Luật hình sự và tố tụng hình sự	7380104	A00, C00, C20, D01	80	50	30

30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00, C20, D01, D78	240	140	100
31	Việt Nam học	7310630	C00, C20, D14, D15	20	10	10
32	Đông phương học ( <i>Hàn Quốc học, Nhật Bản học</i> )	7310608	C00, D01, D78, D96	200	120	80
33	Quốc tế học	7310601	C00, C20, D01, D78	20	10	10
34	Văn học ( <i>Ngữ văn tổng hợp, Ngữ văn báo chí</i> )	7229030	C00, C20, D14, D15	30	20	10
35	Văn hóa Du lịch	7810106	C00, C20, D14, D15	50	30	20
36	Trung Quốc học	7310612	C00, C20, D14, D15	60	40	20
37	Lịch sử	7229010	C00, C19, C20, D14	20	10	10
38	Công tác xã hội	7760101	C00; C20; D01; D14	70	40	30
39	Xã hội học	7310301	C00; C20; D01; D14	20	10	10
40	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D72, D96	250	150	100
Tổng chỉ tiêu				<b>2850</b>	<b>1708</b>	<b>1142</b>

## 6. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

### 6.1. Tuyển sinh Đợt 1 (Đợt chính thức):

#### a) Thời gian tuyển sinh:

+ Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT 2024: Thời gian ĐKXT theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực: Lịch đăng ký xét tuyển theo thông báo của các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức thi;

+ Đối với các phương thức xét tuyển sớm: Dự kiến nhận hồ sơ **từ ngày 01/6/2024**;

#### b) Hình thức nhận ĐKXT:

- **Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT:** Đợt tuyển sinh thứ nhất, thí sinh ĐKXT trên Hệ thống cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định.

- **Đối với các phương thức xét tuyển sớm:** thí sinh ĐKXT vào Trường Đại học Đà Lạt theo các hình thức:

+ Đăng ký xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn tại địa chỉ: <https://tuyensinh.dlu.edu.vn>.

+ **Nộp trực tiếp tại Trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ:** *Bộ phận tuyển sinh – Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Đà Lạt, số 01 Phù Đổng Thiên Vương, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.*

- **Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực:** Thí sinh ĐKXT trên Hệ thống đăng ký dự thi kỳ thi đánh giá năng lực của các cơ sở giáo dục đại học có tổ chức thi.

**Thí sinh lưu ý:** Sau khi có kết quả thông báo đủ điều kiện trúng tuyển bằng các phương thức sử dụng học bạ THPT và kỳ thi đánh giá năng lực, thí sinh phải đăng ký lại nguyện vọng trên Hệ thống cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định.

Trường hợp thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nhưng không đăng ký lại nguyện vọng thì xem như không trúng tuyển. Thí sinh không tham gia xét tuyển sớm hoặc có tham gia xét tuyển sớm nhưng không đăng ký lại nguyện vọng có quyền ĐKXT bằng tất cả các phương thức trên Hệ thống cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian quy định.

## 6.2. Tuyển sinh các Đợt bổ sung: sẽ thông báo sau

**Địa chỉ nhận ĐKXT và xác nhận nhập học các Đợt bổ sung:** *Bộ phận tuyển sinh – Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Đà Lạt, số 01 Phù Đổng Thiên Vương, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng – ĐT: 02633 825091.*

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Website Trường; ✓
- Lưu VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Lê Minh Chiến*

